TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan.

Bà Nguyễn Thị Bích Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vương Thị C, sinh ngày 03/01/1993. Số CCCD: 030193015xxx.

Địa chỉ cư trú: Số xx, đường PC, khu xx, phường H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Bá N, sinh ngày 20/10/1989. Số CCCD: 030089024xxx.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Số xx, đường PC, khu xx, phường H, thành phố Hải Phòng. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Bá B, sinh năm 1963, số CCCD: 030063015xxx và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963, số CCCD: 030163007xxx; địa chỉ cư trú: Số xx, đường PC, khu xx, phường H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên

đơn chị Vương Thị C trình bày:

Chị và anh Trần Bá N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 27/9/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện, vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Do kinh tế khó khăn nên năm 2023, anh N đi lao động tại Đài Loan, sau đó vài tháng chị C cũng sang Đài Loan lao động, vợ chồng không ở cùng, không hỏi han, quan tâm lẫn nhau. Tháng 5 năm 2025, chị C về Việt Nam sinh sống, anh N vẫn lao động tại Đài Loan, thỉnh thoảng anh N liên lạc với chị chỉ để hỏi thăm con chung. Đến nay, chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Trần Bá A, sinh ngày 04/6/2018 và cháu Trần Thảo D, sinh ngày 14/4/2021, hiện nay chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D, bố mẹ đẻ của anh N đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Chị đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu A cho anh N chăm sóc và nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh N sinh sống tại Đài Loan, chị đồng ý giao cháu A cho bố mẹ đẻ của anh N là ông Trần Bá B và bà Nguyễn Thị M chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ: không đề nghị giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Trần Bá N là ông Trần Bá B và bà Nguyễn Thị M (bố mẹ đẻ của anh N); địa chỉ: số xx, phố PC, phường H, thành phố Hải Phòng.

Ông Trần Bá B và bà Nguyễn Thị M cung cấp: Chị Vương Thị C trình bày về điều kiện kết hôn giữa chị C và anh N là đúng. Sau khi kết hôn, chị C về sinh sống cùng gia đình ông bà, vợ chồng chị C, anh N không có mâu thuẫn nhiều, tuy nhiên anh N có chơi bời dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng cãi vã. Đến năm 2023, anh N và chị C đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không sống cùng nhau, thông qua gia đình, vợ chồng ông bà được biết chị C và anh N không tin tưởng nhau về tình cảm. Thời gian gần đây, chị C về Việt Nam nhưng không về sinh sống cùng ông bà mà về nhà ngoại sống, anh N vẫn lao động tại Đài Loan nhưng do cư trú bất hợp pháp nên anh N không cung cấp địa chỉ. Nhiều lần anh N liên lạc về có trao đổi việc vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị C có nguyện vọng xin ly hôn, anh N nhất trí. Do anh N không về để làm thủ tục ly hôn được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua ông bà, ông bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh N biết. Ông B, bà M nhận được Thông báo thụ

lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, đã thông báo cho anh N biết, hiện anh N không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị C và anh N có 02 con chung là Trần Bá A, sinh ngày 04/6/2018 và Trần Thảo D, sinh ngày 14/4/2021, hiện nay chị C đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D, ông bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Sau khi liên lạc với anh N, anh N cho biết giữa anh N và chị C đã có thỏa thuận về con chung, mỗi người nuôi một con nên từ khi chị C về Việt Nam, chị C đón cháu D về sinh sống cùng. Ông bà nhất trí với quan điểm của chị C về con chung; ông bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A trong thời gian anh N lao động tại Đài Loan; ông bà tự nguyện không yêu cầu anh N, chị C cấp dưỡng nuôi cháu A cùng ông bà.

Về tài sản chung: Chị C và anh N không có tài sản chung nên anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

UBND phường H, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị Vương Thị C và anh Trần Bá N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 27/9/2017.

Đại diện tổ dân phố nơi anh Trần Bá N và chị Vương Thị C sinh sống cung cấp: Sau khi kết hôn, chị C và anh N sinh sống tại số xx, đường PC, tổ dân phố số xx, phường H, thành phố Hải Phòng; chị C và anh N cùng đi lao động tại Đài Loan, thời gian gần đây chị C về Việt Nam nhưng không về sinh sống cùng bố mẹ chồng, anh N hiện vẫn lao động tại Đài Loan.

Tại Công văn số 21873/QLXNC-P3 ngày 14/10/2025, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp: Anh Trần Bá N đã xuất cảnh ngày 14/3/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày

27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị C, xử cho chị Vương Thị C ly hôn anh Trần Bá N.

Về con chung: Giao cho chị Vương Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thảo D, sinh ngày 14/4/2021; giao cho anh Trần Bá N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bá A, sinh ngày 04/6/2018 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị C và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Tạm giao cháu Trần Bá A cho ông Trần Bá B và bà Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Bá B và bà Nguyễn Thị M về việc không yêu cầu anh Trần Bá N, chị Vương Thị C cấp dưỡng tiền nuôi cháu A trong thời gian anh Trần Bá N không có mặt tại Việt Nam. Chị C và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vương Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vương Thị C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Bá N có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: số xx, đường PC, tổ dân phố số xx, phường H, thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng;

đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan. Tòa án đã yêu cầu gia đình anh N cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được mà chỉ thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N biết. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông B, bà M có quan điểm đề nghị vắng mặt; bị đơn anh Trần Bá N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị C và anh Trần Bá N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 27/9/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị C, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của ông B, bà M (là mẹ đẻ của anh N) có căn cứ xác định vợ chồng chị C và anh N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Năm 2023, anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không sống chung; đến nay chị C về Việt Nam nhưng cũng không sống cùng gia đình anh N, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N đã được ông B, bà M thông báo về việc chị C xin ly hôn, anh N đồng ý. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm nhau trong cuộc sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C ly hôn anh N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị C và anh N có hai con chung là Trần Bá A, sinh ngày 04/6/2018 và Trần Thảo D, sinh ngày 14/4/2021, hiện nay chị C đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D, ông B và bà M đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Chị C đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giao A cho anh N chăm sóc và nuôi dưỡng, anh N, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Thông qua gia đình, anh N nhất trí với quan điểm của chị C. Trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam, anh N nhờ bố mẹ đẻ là ông B và bà M thay anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Ông B, bà M đồng ý với quan điểm của chị C và anh N.

Hội đồng xét xử thấy thực tế chị C đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D, cháu A đang sống cùng vợ chồng ông B; cháu A có quan điểm xin được ở cùng

bố và ông bà nội; chị C đề nghị Tòa án tạm giao cháu A cho ông B, bà M chăm sóc trong thời gian anh N lao động tại Đài Loan nên căn cứ quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu D cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu A cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị C và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Tạm giao cháu A cho ông B và bà M chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của ông B và bà M về việc không yêu cầu anh N, chị C cấp dưỡng tiền nuôi cháu A trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị C, xử cho chị Vương Thị C ly hôn anh Trần Bá N.

2. Về con chung: Giao cho chị Vương Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thảo D, sinh ngày 14/4/2021; giao cho anh Trần Bá N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bá A, sinh ngày 04/6/2018 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị C và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Tạm giao cháu Trần Bá A cho ông Trần Bá B và bà Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Bá B và bà Nguyễn Thị M về việc không yêu cầu anh Trần Bá N, chị Vương Thị C cấp dưỡng tiền nuôi cháu A trong thời gian anh Trần Bá N không có mặt tại Việt Nam.

Chị C và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vương Thị C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0002595 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vương Thị C đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vương Thị C, ông Trần Bá B và bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Trần Bá N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường H, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2017 tại UBND phường NC, thành phố K, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh